

Số: 1706/KH-UBND

Kon Tum, ngày 29 tháng 06 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-2018/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng Kế hoạch thực hiện với nội dung cụ thể sau:

## **I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

### **1. Mục tiêu**

- Quán triệt tinh thần và nội dung của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sâu rộng trong chính quyền các cấp, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.
- Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, thông thoáng và minh bạch; tạo thuận lợi nhất để hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo động lực, sự đột phá và thu hút nhanh nguồn lực đầu tư xã hội vào tỉnh.
- Tập trung cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh, thực hiện bằng được các mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; phấn đấu tăng điểm từng chỉ số và tổng số điểm PCI qua từng năm, phấn đấu đến năm 2020, xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh xếp vào nhóm trung bình của cả nước.

### **2. Một số chỉ tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đối với chỉ số PCI:**

- Tiếp tục giữ vững, phát huy những kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế, khuyết điểm tại các lĩnh vực, nội dung, tiêu chí, chỉ số thành phần qua đánh giá chỉ số PCI năm 2017 tỉnh Kon Tum; phấn đấu trong năm 2018, nâng xếp hạng của tỉnh tăng thêm ít nhất 05 bậc so với năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung, chỉ số theo Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Kon Tum năm 2018. Đặc biệt tập trung các giải pháp mạnh, cụ thể, sát thực tiễn để cải thiện 04 chỉ số đạt kết quả rất thấp của tỉnh, gồm: Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức, Đào tạo lao động, Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự; đồng thời tạo bước đột phá về cải thiện chỉ số Cơ sở hạ tầng của tỉnh gồm: Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đường bộ, điện, điện thoại và mạng internet.

## *2.2. Một số chỉ tiêu theo Nghị quyết 19/NQ-CP:*

Tiếp tục bám sát thực hiện các nội dung, chỉ tiêu theo Kế hoạch số 879/KH-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Đồng thời, tập trung cải thiện các chỉ số môi trường kinh doanh theo yêu cầu của Chính phủ, cụ thể là:

- Đảm bảo tổng thời gian để hoàn thành các thủ tục khởi sự doanh nghiệp không quá 08 ngày, thực hiện song song các thủ tục khắc dấu, thông báo mẫu con dấu, thủ tục đăng ký tài khoản ngân hàng với cơ quan đăng ký kinh doanh; thực hiện cơ chế “một cửa” trong đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội; rút ngắn thời gian doanh nghiệp mua hóa đơn VAT hoặc đăng ký tự in hóa đơn còn dưới 4 ngày.

- Duy trì tiếp nhận và giải quyết thủ tục đăng ký thành lập mới doanh nghiệp tối đa 02 ngày làm việc; áp dụng hình thức đăng ký kinh doanh với giao dịch trên mạng và trả kết quả ngay trong ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ bằng bản giấy tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng tối đa 180 ngày.

- Đảm bảo thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới đối với hàng xuất khẩu tối đa là 50 giờ; đối với hàng nhập khẩu tối đa là 70 giờ.

- Tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử là 100% và tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 98%; 100% hồ sơ hoàn thuế được kiểm tra theo đúng quy trình, theo đúng quy định và giải quyết đúng hạn.

- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đến hết năm 2018, hầu hết các dịch vụ công phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

- Thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan tối đa 84 ngày.

- Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh tối đa 30 ngày.

- Thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản tối đa 14 ngày (*trừ tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ*).
- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tích cực nâng cao chỉ số Chi phí thời gian, Tính minh bạch, Chi phí không chính thức thông qua nâng cao hiệu quả và các biện pháp công khai minh bạch, đơn giản, dễ hiểu; nghiêm yết và hướng dẫn rõ ràng 100% các quyết định, chính sách, thủ tục hành chính tại trụ sở và trên website, trang thông tin điện tử của đơn vị.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch để du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển ngành dịch vụ logistics để tạo thuận lợi và giảm chi phí kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế.

## **II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố** chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả cải thiện các chỉ số theo phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này và tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Thủ trưởng các sở, ban ngành và địa phương cần tập trung bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội (*Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/1/2018*), về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (*Nghị quyết số 19/NQ-CP*), về hỗ trợ doanh nghiệp (*Nghị quyết số 35/NQ-CP*), về hỗ trợ khởi nghiệp, về cải cách thủ tục hành chính, v.v. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển; hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; bám sát các mục tiêu và triển khai hiệu quả Chương trình số 41-CTr/TU ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 3398/KH-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Kon Tum năm 2018; Văn bản số 1517/UBND-HTĐT ngày 13/06/2018 Về việc khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp nhằm cải thiện Chỉ số PCI tỉnh Kon Tum. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm, vào cuộc tích cực, chủ động đồng bộ của cả hệ thống chính trị, từng cơ quan, đơn vị và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.
- b) Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững; chủ động bám sát các Bộ ngành để sớm có những quyết định về cơ chế, chính sách đặc thù quan trọng tạo môi trường cơ chế chính sách ưu đãi, hấp dẫn thông thoáng đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp; tập

trung nghiên cứu, hướng dẫn, phổ biến kịp thời đến cộng đồng doanh nghiệp biết các cơ chế, chính sách của trung ương và địa phương.

c) Người đứng đầu các Sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành thuộc ngành dọc trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh (*Cục Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh*) có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra tỉnh trong việc xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, phối hợp xử lý các tình huống khi có sự chồng chéo (nếu có) trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp hàng năm, đảm bảo nguyên tắc một năm chỉ thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch không quá một lần đối với doanh nghiệp.

Người đứng đầu các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để cán bộ, công chức đơn vị mình có hành vi nhũng nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính cũng như các hoạt động công vụ có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp do đơn vị mình đảm trách.

d) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đối với doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính; đa dạng kênh công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, quy trình, quy định hành chính để doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận dễ dàng nhất. Tiếp tục rà soát, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai, cải cách về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội,....

đ) Triển khai giải pháp để lượng hóa trong đánh giá chất lượng cán bộ công chức, nhất là tại các bộ phận một cửa các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nhằm nâng cao trách nhiệm, thái độ ứng xử làm việc đội ngũ cán bộ tiếp xúc làm việc trực tiếp với nhà đầu tư, doanh nghiệp, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy và thay thế những người không đủ năng lực, trình độ và phẩm chất.

e) Từng sở, ngành và địa phương cần có các giải pháp cụ thể, hiệu quả để cải thiện chỉ số *Chi phí thời gian, Tính minh bạch, Chi phí không chính thức* gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình:

- Tiếp tục rà soát quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị mình.

- Tiếp tục công khai, minh bạch với những cách thức đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch kinh tế - xã

hội, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh.

- Người đứng đầu sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo và có quy định bằng văn bản về việc yêu cầu tất cả các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp phải được trả lời cụ thể bằng văn bản (*có thời hạn cụ thể*) và công khai các kiến nghị và quá trình giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp trên các trang điện tử của sở, ban ngành và địa phương.

- Tăng cường các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

g) Tiếp tục triển khai sáng tạo, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo tinh thần Chỉ thị 07/CT-Trg ngày 05/3/2018 và Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, với tinh thần các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đồng hành cùng doanh nghiệp, hỗ trợ và khuyến khích khởi nghiệp;

- Hướng dẫn triển khai các văn bản pháp luật của Trung ương; nghiên cứu xây dựng các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đối với những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, tập trung vào nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo;

- Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế địa phương. Đảm bảo 100% các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp đều được lấy ý kiến tham gia của cộng đồng doanh nghiệp;

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng của các buổi đối thoại doanh nghiệp, giải quyết dứt điểm những khó khăn vướng mắc, kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp; phổ biến kịp thời và hướng dẫn triển khai các thông tin, chính sách mới, các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh; hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, .v.v.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- *Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện* Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường, Cạnh tranh bình đẳng (Theo chỉ số PCI).

- Là đầu mối đôn đốc, theo dõi triển khai Nghị quyết 19-2018/NQ-CP; tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo báo cáo Chính phủ định kỳ hàng quý, báo cáo năm về tình hình triển khai Nghị quyết 19-2018/NQ-CP; chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ về cải thiện môi trường kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới; là cơ quan đầu mối, thường xuyên liên hệ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ, Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam để cập nhật thông tin, hướng dẫn và các nội dung liên quan trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP để kịp thời tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch hành động phù hợp với chủ trương chung và tình hình thực tế của tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ công tác PCI của tỉnh (*trên nguyên tắc không làm tăng biên chế*) để thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh (*theo mô hình các tỉnh như Quảng Ninh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi...*).

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm về công tác cải thiện môi trường đầu tư theo Nghị quyết 19-2018/NQ-CP và nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) để tiếp tục đề xuất các sáng kiến mới triển khai kịp thời trong năm 2018.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành: Tài chính, Cục Thuế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh tham mưu triển khai hiệu quả cải thiện chỉ tiêu về *Khởi sự kinh doanh* đạt chỉ tiêu Nghị quyết 19-2018/NQ-CP.

- Chủ trì, thường xuyên đăng tải danh sách doanh nghiệp chậm triển khai hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, các dự án đầu tư chậm triển khai hoạt động, các dự án đầu tư ngừng triển khai hoạt động trên trang thông tin điện tử của Sở.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các thủ tục công bố thông tin doanh nghiệp, công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và thông báo mẫu con dấu theo phương thức điện tử, tăng tỷ lệ giải quyết thủ tục trực tuyến.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm thu hút sự quan tâm và khích lệ doanh nghiệp, công dân thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng. Duy trì các hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được giải quyết tối đa trong 02 ngày làm việc, đẩy mạnh áp dụng với giao dịch trên mạng và trả kết quả ngay trong ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ bằng bản giấy tại cơ quan đăng ký kinh doanh, giải quyết đúng hạn 100% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng tư vấn, hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp (*trực tiếp, qua điện thoại hay email...*); nâng cao chất lượng website, trang thông tin điện tử đối với hạng mục hướng dẫn thủ tục đầu tư kinh doanh; chính sách liên quan đến khu vực tư nhân để tham mưu, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân phát triển.
- Tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; thực hiện liên thông, phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp đối với các dự án của nhà đầu tư nước ngoài.
- Vận động, hướng dẫn sử dụng chữ ký số của doanh nghiệp trong tất cả các quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước (*Kế hoạch và Đầu tư, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và trong các hoạt động của doanh nghiệp*).
- Thực hiện công tác xây dựng Bộ chỉ số và tiến hành đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương năm 2018. Khuyến khích các sở, ngành và địa phương nghiên cứu, triển khai đánh giá độc lập chất lượng điều hành của từng cơ quan, phòng ban, đơn vị trực thuộc.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số tiếp cận đất đai (theo chỉ số PCI).
- Tập trung các biện pháp mạnh, triển khai thực hiện bằng các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm đơn giản hóa thủ tục liên quan đến đất đai, giải quyết hiệu quả việc tiếp cận đất đai của doanh nghiệp.
- Thực hiện tốt thời gian Đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản so với quy định của pháp luật. Bãi bỏ thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục, thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.
- Tiếp tục cải thiện, nâng cao tính minh bạch về đất đai: Minh bạch hóa tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
- Công khai minh bạch trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.
- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thủ tục hành chính có liên quan về đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản;

- Tích cực tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận đất đai; tăng cường đối thoại chuyên đề để hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận quỹ đất.

#### **4. Sở Tư pháp**

- Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (theo chỉ số PCI).

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan (*Tòa án tỉnh, Công an tỉnh và các địa phương*) nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể nhằm cải thiện vượt bậc điểm số thành phần Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

- Phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về kinh tế và thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hỗ trợ pháp lý trên địa bàn tỉnh để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả;

- Phối hợp Tòa án tỉnh và các cơ quan liên quan hoàn thiện công khai thủ tục hành chính về giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp, đảm bảo các mục tiêu theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ và các chỉ tiêu theo chỉ số thành phần PCI.

#### **5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số Đào tạo lao động (theo chỉ số PCI).

- Chủ trì rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Kon Tum đảm bảo đơn giản, thuận tiện; tiếp tục nghiên cứu rút ngắn thời gian cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài so với thời gian quy định của Chính phủ; tăng cường quản lý giám sát việc sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, nhất là trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn.

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian khai trình việc sử dụng lao động khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động nhằm cải thiện thứ hạng *Khởi sự kinh doanh*, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục tập trung, đảm bảo nhanh gọn, thuận tiện.

- Nghiên cứu và tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ tuyển dụng lao động đối với các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích thu hút đầu tư vào tỉnh.



- Chủ trì xây dựng các thủ tục và điều kiện thành lập, hoạt động đối với các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập, tham mưu các giải pháp hỗ trợ tạo thuận lợi cho khu vực tư nhân trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội tham gia đào tạo nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển của tỉnh.

- Tăng cường giải pháp hiệu quả tạo kênh kết nối, hợp tác giữa các trường đào tạo trên địa bàn tỉnh với các tổ chức đào tạo trong và ngoài nước và với các doanh nghiệp nhằm đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nâng cao năng suất lao động; tập trung triển khai các cơ chế, nhiệm vụ, giải pháp hữu hiệu để thu hút lao động, nhất là lao động chất lượng cao vào khu kinh tế, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **6. Thanh tra tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng văn bản chỉ đạo về thanh tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành, kiểm tra theo hướng lồng ghép, phối hợp và kế thừa kết quả hoạt động giữa các cơ quan.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để tránh trùng lặp, chồng chéo; đảm bảo nguyên tắc công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp một năm không quá 01 lần; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

## **7. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- *Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện* Chỉ số Tính năng động (theo chỉ số PCI).

- Chủ trì rà soát thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo không để xảy ra tình trạng chậm trễ; công khai việc giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin của tỉnh.

- Chủ trì thực hiện chuẩn hóa các thủ tục hành chính, nghiên cứu đề nghị cắt giảm thủ tục hành chính và đa dạng hình thức công khai các thủ tục hành chính để nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, thực hiện; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh. Triển khai hiệu quả hơn việc công bố các tài liệu pháp lý, các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

- Chịu trách nhiệm tham mưu, quản lý, vận hành triển khai hiệu quả Cổng thông tin điện tử tỉnh nhằm góp phần nâng cao hiệu quả *Tính minh bạch* (theo chỉ số thành phần PCI); nghiên cứu đổi mới cách thức công khai, minh bạch thông tin liên quan đến các quy hoạch, cơ chế chính sách và các văn bản chỉ đạo của tỉnh

nhằm đảm bảo thông tin đến nhà đầu tư, doanh nghiệp được minh bạch, đơn giản, cập nhật và dễ hiểu, dễ tiếp cận.

## **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Đẩy mạnh hoạt động Quỹ phát triển khoa học công nghệ; thu hút nguồn đầu tư xã hội hóa cho hoạt động khoa học công nghệ.

- Công bố thông tin đầy đủ về kết quả nghiên cứu ứng dụng của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện bằng ngân sách nhà nước trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Website của Sở Khoa học và Công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

## **9. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (theo chỉ số PCI).

- Tham mưu nâng cao chỉ số Hạ tầng viễn thông và dịch vụ công trực tuyến (OSI); chịu trách nhiệm triển khai đạt các chỉ tiêu về thực hiện Chính quyền điện tử.

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí thường trú trên địa bàn tỉnh, phối hợp tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, các kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và các hoạt động liên quan đến công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và đánh giá hiệu quả việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang website của sở, ngành, địa phương nhằm tăng cường tính minh bạch trong tiếp cận thông tin của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

## **10. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Có giải pháp triển khai hiệu quả các chỉ số thành phần PCI theo phân công (theo kết quả đánh giá PCI);

- Tăng cường giải pháp hiệu quả nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và đầu ra.

## **11. Sở Xây dựng**

- Chủ trì phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương tiếp tục rà soát rút ngắn thời gian *Cấp phép xây dựng (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của các cơ quan liên quan như chấp thuận đầu nối điện, nước, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, độ tĩnh không...)*.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế, chất lượng thi công xây dựng công trình, trách nhiệm pháp lý của chủ thể tham gia xây dựng công trình.
- Chủ trì giải quyết công khai các vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực hiện cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan.
- Tiếp tục công khai các quy hoạch ngành đã được duyệt, rà soát và cắt giảm các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng.

## **12. Sở Công Thương**

***Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện*** Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp (theo chỉ số PCI).

- Chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện công khai quy trình thủ tục tiếp cận điện năng, thực hiện rút ngắn thời gian so với quy định.
- Chủ trì kiểm soát hiệu quả tình trạng độc quyền trong kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai tập huấn và có các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp trong tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp trong tỉnh.
- Tăng cường tổ chức và phát huy hiệu quả các cuộc hội chợ thương mại, xúc tiến thương mại tiếp xúc với doanh nghiệp, trong đó cần có đánh giá hiệu quả mức độ kết nối thị trường sau mỗi cuộc hội chợ, xúc tiến thương mại.
- Chủ trì triển khai và theo dõi, đánh giá quá trình triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp; thực hiện công khai quỹ đất trong các cụm công nghiệp và phối hợp thông tin đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, nghiên cứu đầu tư vào các cụm công nghiệp.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ logistic để tạo thuận lợi và giảm chi phí kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu các ngành kinh tế.

## **13. Cục Thuế tỉnh**

- Có giải pháp triển khai hiệu quả các chỉ số thành phần PCI theo phân công (theo kết quả đánh giá PCI);
- Triển khai ngay những giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế; gắn chặt vai trò của cơ quan thuế và địa phương trong phương pháp rà soát, tính toán thuế, khoán thu thuế; xây dựng, ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ, xử lý nghiêm khắc, kịp thời các hành vi tiêu cực, gây phiền hà cho doanh nghiệp và cá nhân nộp thuế, tuyệt đối xóa bỏ tình trạng thỏa thuận với doanh nghiệp để mưu lợi và làm thất thu thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ nộp thuế nhằm rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.
- Công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, đảm bảo 100% hồ sơ hoàn thuế được kiểm tra và 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu triển khai đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thuế đến cấp cơ sở (chi cục, phòng, ban).

#### **14. Chi cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả *Chỉ số về đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, giảm thời gian và chi phí Giao dịch thương mại qua biên giới*.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hải quan năm 2014. Thực hiện ứng dụng hệ thống thông quan điện tử, đảm bảo công tác quản lý hải quan hiện đại, tiện lợi hóa tại các đơn vị, cửa khẩu, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.
- Triển khai thực hiện vận hành thông suốt hệ thống VNACCS/VCIS (hệ thống thông quan tự động) và cơ chế một cửa quốc gia. Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để đảm bảo tính thống nhất;

#### **15. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

- Rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục kê khai thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; thực hiện đơn giản hóa thủ tục chi trả bảo hiểm y tế cho các doanh nghiệp; rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục nộp bảo hiểm bắt buộc đối với doanh nghiệp.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp đối với người lao động; kịp thời nắm bắt giải quyết chế độ chính sách cho người lao động;
- Đẩy mạnh giao dịch điện tử trong lĩnh vực kê khai thu, cấp sổ, thẻ, giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; thực hiện giao - nhận, chuyển - phát hồ sơ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế qua dịch vụ bưu chính.
- Nghiên cứu triển khai đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đến cấp huyện.

#### **16. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 15/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động hướng dẫn, định hướng và cung cấp thông tin cập nhật lĩnh vực, ngành nghề và thị trường tiêu thụ để các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp biết, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp; cập nhật các giải pháp hiệu quả nhằm hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từng bước chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng, hiệu quả và nâng cao giá trị, gắn sản xuất với thị trường; đồng thời xây dựng, đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát, quản lý nghiêm ngặt về an toàn chất lượng sản phẩm nông sản.

### **17. Sở Nội vụ**

*Là đầu mối chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện* Chỉ số Chi phí thời gian; chi phí không chính thức (theo chỉ số PCI).

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2018, chủ trì theo dõi Chỉ số Cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

- Triển khai các hình thức đánh giá cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ làm việc tại bộ phận một cửa các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, thái độ ứng xử của cán bộ, công chức khi tiếp xúc trực tiếp với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

### **18. Sở Tài chính**

- Có giải pháp triển khai hiệu quả các chỉ số thành phần PCI theo phân công (theo kết quả đánh giá PCI).

- Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; căn cứ khả năng cân đối ngân sách đảm bảo kinh phí cho các hoạt động nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh.

### **19. Sở Giao thông vận tải**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp hiệu quả phát triển ngành dịch vụ logistic chuyên ngành vận tải nhằm tạo thuận lợi và giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.

### **20. Sở Ngoại vụ**

Thực hiện phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương trong hoạt động đối ngoại; chú trọng củng cố, phát triển quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới có tiềm năng; thúc đẩy hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực với các địa phương nước ngoài để tạo điều kiện cho công tác

xúc tiến đầu tư. Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan tổ chức tập huấn nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho các sở, ban ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

## **21. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan công khai các quy trình, thủ tục về kiểm tra an toàn thực phẩm theo hướng áp dụng chủ yếu kiểm tra an toàn thực phẩm sau thông quan: kiểm tra trong quá trình sản xuất.

## **22. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch; cải thiện toàn diện môi trường kinh doanh du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cùng phát triển; tích cực triển khai các giải pháp thiết thực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc lĩnh vực du lịch.

- Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn tuyệt đối cho du khách; xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, xử lý kịp thời đối với các trường hợp tiêu cực trong lĩnh vực du lịch và thường xuyên thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch và dịch vụ.

## **23. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.**

- Quản lý và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh để thu hút đầu tư; tạo nguồn cung sẵn có về mặt bằng sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý; bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật ổn định (*điện, nước, viễn thông, vận tải...*). Công khai quỹ đất sạch trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo các hình thức khác nhau để nhà đầu tư, doanh nghiệp biết.

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm giảm tối đa thời gian, chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Triển khai đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Đăng tải công khai danh mục các dự án đầu tư chậm tiến độ, tạm ngừng không triển khai đầu tư (*mà nguyên nhân do nhà đầu tư*) trong địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý Khu kinh tế và thông tin đến các sở, ngành liên quan biết, phối hợp rà soát.

## **24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và

người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng. Tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp xúc, kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin về các chương trình tín dụng, các biểu phí, lãi suất, điều kiện vay vốn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường.

## **25. Tòa án tỉnh**

- Chủ trì thực hiện có hiệu quả quá trình xử lý đảm bảo đúng pháp luật, có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động xét xử các vụ án, cắt giảm thời gian đối với các vụ kiện, tranh chấp hợp đồng của doanh nghiệp; phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan hoàn thiện, công khai thủ tục hành chính về giải quyết tranh chấp hợp đồng và phá sản doanh nghiệp.

- Phối hợp với Sở Tư pháp có giải pháp cải thiện vượt bậc chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự (theo kết quả đánh giá PCI).

- Có kế hoạch hỗ trợ cụ thể các doanh nghiệp trong năm bắt các quy định liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện, đặc biệt là kiến thức quốc tế trong giải quyết tranh chấp, khiếu kiện đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài.

## **26. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

## **27. Công an tỉnh**

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn, đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chủ động nắm bắt tình hình diễn biến hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để kịp thời ứng phó và cung cấp thông tin cho các cơ quan đầu mối quản lý doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết.

## **28. Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy**

- Chủ trì nghiên cứu rà soát, sửa đổi bổ sung theo hướng cải cách quy trình, thủ tục hành chính về thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy; nghiên cứu đề xuất lồng ghép thủ tục thẩm định phòng cháy, chữa cháy với thẩm định thiết kế xây dựng, bảo đảm nâng cao chất lượng thẩm định. Phối hợp với Sở Xây dựng nghiên cứu, rà soát cải thiện chỉ số Cấp phép xây dựng.

- Chủ động nắm chắc tình hình, tổ chức tổng kiểm tra, rà soát trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là các công trình công cộng, nhà máy sản xuất các sản phẩm dễ cháy, trung tâm thương mại, nhà cao tầng, cơ sở karaoke, cơ sở kinh doanh xăng

dầu, các loại hóa chất dễ cháy nổ... Phải công khai danh sách các cơ sở chưa đảm bảo an toàn về PCCC và có chế tài xử lý nghiêm tất cả các cơ sở vi phạm.

### **29. Đài phát thanh và truyền hình Kon Tum, Báo Kon Tum**

- Tiếp tục đẩy mạnh và phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông nhằm nâng cao vai trò tuyên truyền đến các sở, ngành và địa phương hiểu sâu hơn về Nghị quyết 19 và PCI và các hoạt động triển khai hỗ trợ doanh nghiệp của các sở, ngành và địa phương trên toàn tỉnh. Tập trung triển khai một số chương trình tuyên truyền theo chuyên đề về những nội dung, nỗ lực của tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, PCI, hướng tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp.... Duy trì, mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Phổ biến, tuyên truyền về Kế hoạch hành động của tỉnh; chủ động xây dựng và cập nhật tin bài về cải thiện môi trường kinh doanh. Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu thực tiễn, mở chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền; quan tâm bố trí vị trí trang tin bài, thời gian, thời lượng phát sóng tin bài hợp lý, hiệu quả.

### **30. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh**

- Phát huy vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp với các hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường bền vững; thực hiện điều tra, nắm bắt và đánh giá tình hình, triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh để tham mưu, phản biện kịp thời, phát huy hiệu quả của các chính sách.

- Tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư để nắm bắt những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, .v.v. phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, kịp thời tháo gỡ.

- Chủ động tích cực tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cộng đồng doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp chủ động tương tác với các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương của tỉnh thông qua các chuyên mục mở ứng dụng công nghệ thông tin như: website, Cổng thông tin điện tử, .v.v.

### **31. Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

Là đầu mối hỗ trợ các Hợp tác xã trong việc thành lập mới, thực hiện phát triển hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa quy mô lớn; xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã hướng tới hình thành liên hiệp hợp tác xã, tổng công ty; tăng cường tập huấn, nâng cao nhận thức của các hợp tác xã trong công tác



quản trị, khởi nghiệp. Chủ động đề xuất với tỉnh cơ chế chính sách riêng để giúp các hợp tác xã, doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### **32. Công ty Điện lực Kon Tum**

Đảm bảo vận hành lưới điện an toàn, hiệu quả, cung cấp điện đảm bảo phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, tiếp tục đầu tư hạ tầng cấp điện, nâng cấp về đường truyền đảm bảo việc thực hiện chỉ số tiếp cận điện năng theo đúng mục tiêu đề ra.

### **33. Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum**

- Cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ đối với các doanh nghiệp; chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của doanh nghiệp. Đảm bảo đáp ứng tiên độ cấp nước theo yêu cầu của nhà đầu tư và chỉ đạo của tỉnh đối với những dự án trọng điểm; đảm bảo giá nước phục vụ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp ngang bằng các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên.

- Khẩn trương xây dựng giá bán buôn nước sạch cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính cạnh tranh, chi phí vận hành cho các nhà đầu tư, cân đối giá giữa các mục đích sử dụng nước sạch và phù hợp với điều kiện sản xuất của các đơn vị.

### **34. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh**

- Chủ động xây dựng chương trình kế hoạch triển khai nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng điều hành kinh tế địa phương.

- Có giải pháp triển khai hiệu quả các chỉ số thành phần PCI theo phân công (theo kết quả đánh giá PCI);

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chủ trương, chính sách của cấp trung ương và của tỉnh.

- Thành lập bộ phận hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm để thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp để có đầu mối chuyên sâu tham mưu các giải pháp sáng tạo trong triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Chủ động thường xuyên gỡ gỡ các doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại địa phương; có giải pháp kịp thời, hiệu quả nâng cao tính minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo lĩnh vực phân công phụ trách có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh được giao chủ trì từng chỉ số thành phần tại Phụ lục I chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thứ hạng các chỉ số thành phần PCI thuộc trách nhiệm cơ quan mình được giao; khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan, nghiên cứu, phân tích và xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể sát với tình hình thực tiễn để cải thiện chỉ số, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp*) trước ngày 05/7/2018 (*đối với các chỉ tiêu, chỉ số thành phần đạt thấp cần nêu rõ nguyên nhân, ban hành chương trình, kế hoạch hành động với những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực hiệu quả gắn với đổi mới cách làm, sáng kiến nhằm áp dụng hiệu quả với các chỉ số được giao chủ trì để triển khai hiệu quả, đạt mục tiêu của tỉnh*).

- Đối với các cơ quan được giao chủ trì các chỉ số thành phần Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ (*về cải thiện môi trường kinh doanh theo cách tiếp cận của ngân hàng thế giới tại Phụ lục II kèm theo*), cần có những giải pháp cụ thể quyết tâm đạt Kế hoạch.

- Chế độ báo cáo: Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 các tháng cuối quý), và báo cáo năm trước ngày 05 tháng 12, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đánh giá kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp*) và gửi đến các cơ quan được giao đầu mối để tổng hợp.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được phân công cho các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Kon Tum (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (biết);

**Nguyễn Văn Hòa**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Tòa án tỉnh: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chi cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum; Cục Thuế tỉnh: Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh; Phòng cảnh sát PCCC và CNCH: Đài phát thanh và truyền hình tỉnh; Công ty Điện lực Kon Tum; Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Kon Tum;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP;
- Lưu VT, HTĐT.

### PHỤ LỤC I

#### PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ

*Kèm theo Kế hoạch số 1706/KH-UBND ngày 29/06/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*

STT	Các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần PCI	Điểm chỉ số năm 2017 của tỉnh Kon Tum	Điểm trung vị	Thứ hạng	Mục tiêu cải thiện thứ hạng năm 2018	Trách nhiệm của các đơn vị liên quan từng chỉ tiêu thành phần	Đơn vị chịu trách nhiệm chung, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện, tổng hợp báo cáo
I	<b>CHỈ SỐ CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG</b>	<b>7.79</b>	<b>7.84</b>	<b>35</b>	<b>30</b>		Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp- số ngày (Giá trị trung vị)	5	6			Sở kế hoạch và Đầu tư	
2	Thời gian thay đổi	2	4.5			Sở Kế	

	nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)				hoạch và Đầu tư
3	% DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%))	2	13		Sở kế hoạch và Đầu tư
4	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%)	74.35	78.38		Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	92.50	88.57		Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	77.50	71.88		Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%)	77.50	75.86		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	54.55	60.00		Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	5.71	12.90		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố

10	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	5.71	2.78			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
<b>II</b>	<b>CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>6.32</b>	<b>6.33</b>	<b>34</b>	<b>25</b>		<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>
1	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	51	58			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	25			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi cho mục đích khác (1: Rất cao đến 5: Rất thấp)	1.49	1.61			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	30	25			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	16	15			Sở Tài nguyên và	



	GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)					nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
<b>III</b>	<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN</b>	<b>6.33</b>	<b>6.34</b>	<b>33</b>	<b>31</b>		<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1 Rất dễ; 5= Không thể)	2.44	2.44			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1 =Rất dễ; 5=Không thể)	3.04	3.06			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	86%	83%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
4	Thông tin mời thầu được công khai(%)	57%	50%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	59%	71%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
6	Số ngày để nhận	3.00	4.00			Các Sở, ban	

	được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)			ngành và UBND các huyện, thành phố
7	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu kế hoạch của tỉnh (% Rất quan trọng hoặc quan trọng)	74%	70%	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
8	Thỏa thuận khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	60%	54%	Cục thuế tỉnh; Chi cục thuế UBND các huyện, thành phố
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	9%	6%	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
10	Vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	35%	48%	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	31	33.5	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
12	Tỉ lệ truy cập vào	79%	73%	Văn phòng



	website của tỉnh (%)					UBND tỉnh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
<b>IV</b>	<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CHI PHÍ THỜI GIAN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC</b>	<b>5.55</b>	<b>6.48</b>	<b>58</b>	<b>55</b>		<b>Sở Nội vụ</b>
1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	36%	32%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	67%	72%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
3	CBCC hoàn thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	61%	67%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	48%	55%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	

5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	52%	52%	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	94%	92%	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	63%	67%	Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	10%	7%	Thanh tra tỉnh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	17%	13%	Thanh tra tỉnh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
10	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	24	9	Cục Thuế tỉnh và các đơn vị trực thuộc
11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều	21%	19%	Thanh tra tỉnh, các Sở, ban

	DN(%)					ngành và UBND các huyện, thành phố	
<b>V</b>	<b>CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC</b>	<b>4.46</b>	<b>5.31</b>	<b>54</b>	<b>50</b>		<b>Sở Nội Vụ</b>
1	Doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	76%	59%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
2	Công việc đạt kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Luôn luôn hoặc thường xuyên)	64%	63%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
3	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	68%	61%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	74%	79%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	58%	52%			Thanh tra tỉnh, các Sở, ban ngành và	

						UBND các huyện, thành phố	
6	% Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	15%	10%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%)	36%	32%			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố	
8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	57%	55%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
9	DN lo ngại tình trạng ‘chạy án’ là phổ biến (%)	30%	32%			Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	
<b>VI</b>	<b>CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG</b>	<b>5.36</b>	<b>5.14</b>	<b>27</b>	<b>26</b>		<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN (% Đồng ý)	42%	41%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	32%	30%			Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện,	

3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	34%	29%
4	DNNN thuận lợi hơn trung cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý))	19%	19%
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	20%	25%
6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	26%	23%
7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	44%	44%
8	Tính ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	30%	46%
9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	18%	28%
10	DN FDI có đặc quyền trong	10%	18%

thành phố
Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại
Sở Tài nguyên và Môi trường
Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
Sở Tài nguyên và Môi trường
Cục Thuế tỉnh và các

	miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)					đơn vị trực thuộc	
11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	8%	21%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	15%	27%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	77%	74%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
14	Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	63%	54%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
<b>VII</b>	<b>CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH</b>	<b>5.18</b>	<b>5.44</b>	<b>45</b>	<b>42</b>		<b>Văn phòng UBND tỉnh (Thay cho Đơn vị được giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1517/UBND-HTĐT, ngày 13/6/2018)</b>
1	UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD	70%	71%			Các Sở, ban ngành và UBND các	

	thuận lợi cho KTTN (% đồng ý)				huyện, thành phố
2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	54%	58%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	35%	45%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
4	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	78%	77%		Các Sở, ban ngành cấp tỉnh
5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	56%	59%		Chủ tịch UBND các huyện, thành phố
6	Khi CS.PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo” (% không làm gì cả)	39%	31%		Các Sở, ban ngành
7	Vướng mắc, khó	64%	67%		Các Sở, ban

	khẩn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN (%)					ngành và UBND các huyện, thành phố	
8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	95%	94%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
9	Tỉ lệ PN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)	79%	77%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
<b>VIII</b>	<b>CHỈ SỐ DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP</b>	<b>6.32</b>	<b>6.61</b>	<b>42</b>	<b>40</b>		<b>Sở Công thương</b>
1	Số lượng hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký cho năm nay	5	10			Sở Công Thương	
2	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0.64%	1.15%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
3	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	88%	70%			Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố	
4	Doanh nghiệp đã	55%	54%			Sở Công	



	từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)				thương
5	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	67%	62%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
6	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	67%	71%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
7	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	53%	60%		Sở Tư pháp
8	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn pháp luật (%)	54%	50%		Sở Tư pháp
9	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	57%	66%		Sở Tư pháp
10	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	42%	46%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
11	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho	75%	75%		Các Sở, ban ngành và UBND các

	dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)				huyện, thành phố
12	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	56%	67%		Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
13	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	50%	59%		Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố
14	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	55%	47%		Sở Công thương; các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
15	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	55%	60%		Sở Công thương; các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
16	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	48%	54%		Sở khoa học Công nghệ, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
17	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung	58%	63%		Sở khoa học Công

	cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)				nghệ, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
18	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	67%	63%		Sở khoa học Công nghệ, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
19	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	52%	57%		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	47%	61%		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	80%	67%		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố

22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	43%	52%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	33%	64%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	67%	67%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
<b>IX</b>	<b>CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG</b>	<b>5.57</b>	<b>0.00</b>	<b>53</b>	<b>50</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và xã hội</b>
1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	53%	58%			Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	30%	38%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các

3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	59%	63%
4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	50%	64%
5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ (GTVL) (%)	54%	63%
6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	5.81	5.98
7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	4.11	4.90
8	Lao động tại tỉnh	86%	90%

huyện/Thành phố
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thành phố
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Sở Lao

	đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)					động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thàn h phố	
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(% BLĐTBXH)	3%	5%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thàn h phố	
10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (% BLĐTBXH)	5%	8%			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thàn h phố	
11	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	45	48			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện/Thàn h phố	
<b>X</b>	<b>CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ</b>	<b>5.05</b>	<b>5.94</b>	<b>58</b>	<b>46</b>		<b>Sở Tư pháp</b>

1	Tin tưởng HTPL, sẽ đảm bảo quyền tài sản/ thực thi hợp đồng của DN(%)	79%	85%	Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Tòa án tỉnh; Viện Kiểm sát; UBND các huyện/Thành phố
2	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ nhũng nhiễu(%)	21%	30%	Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Tòa án tỉnh; Viện Kiểm sát; UBND các huyện/Thành phố
3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ nhũng nhiễu DN(%)	27%	36%	Sở Nội vụ, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (% có)	34%	36%	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	83%	88%	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
6	Phán quyết của tòa án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	78%	83%	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

7	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	64%	66%	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	62%	68%	Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	69%	73%	Sở Tư pháp
10	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được khi giải quyết tranh chấp qua Tòa án(%)	74%	79%	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	5.01	0.46	Tòa án nhân dân các cấp
12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án tỉnh (% , TATC)	98%	82%	Tòa án nhân dân tỉnh
13	Tỉ lệ vụ việc kinh	98%	82%	Tòa án nhân



	tế đã được giải quyết trong năm (% , TATC)				dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	41%	56%		Công an tỉnh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố
15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	13%	14%		Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố
16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	50%	71%		Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố
17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	3.1%	3%		Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố

## PHỤ LỤC II

### NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VỀ CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI)

*Kèm theo Kế hoạch số 1706/KH-UBND ngày 29/06/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*

STT	Các nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu theo NQ 19-2017 của CP	Mục tiêu của Kon Tum	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Cải thiện thứ hạng Khởi sự kinh doanh		08 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành: Tài chính, Lao

					động - Thương binh và Xã hội, Y tế, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước CN Kon Tum và UBND các huyện/Thà nh phố
1	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục thuế tỉnh
2	Điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, chi phí thực hiện Thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh			Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản ngân hàng			Ngân hàng Nhà nước CN Kon Tum	
4	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian mua hóa đơn VAT hoặc tự in hóa đơn			Cục Thuế tỉnh	
5	Rút ngắn thời gian Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp			Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Đơn giản hóa thủ tục Nộp lệ phí môn bài			Cục Thuế tỉnh	
7	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian khai trình việc			Sở Lao động -	UBND các huyện/Thà

	<i>sử dụng lao động khi bắt đầu hoạt động</i>			<i>Thương binh và Xã hội</i>	<i>thị trấn</i>
<b>8</b>	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Đăng ký BHXH, BHYT, BHTN			Bảo hiểm xã hội tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan</b>	<b>Dưới 120 ngày</b>	<b>84 ngày</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PCCC, UBND các huyện/Thị trấn và Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum
<b>1</b>	Rút ngắn thời gian Thẩm duyệt thủ tục PCCC			Cảnh sát PCCC tỉnh	
<b>2</b>	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Cấp giấy phép xây dựng			Sở Xây dựng	
<b>3</b>	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục Thông báo cho Sở Xây dựng về việc khởi công và thực hiện thanh tra xây dựng			Sở Xây dựng	
<b>4</b>	Rút ngắn thời gian Thanh tra xây dựng sau khi hoàn thành móng công trình			Sở Xây dựng	
<b>5</b>	Rút ngắn thời gian Thanh tra xây dựng sau khi hoàn thành xây thô			Sở Xây dựng	

6	Điện tử hóa thủ tục Đăng ký Kết nối cấp, thoát nước			Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum	
7	Công ty cấp thoát nước kiểm tra thực địa			Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum	
8	Rút ngắn thời gian Kết nối cấp, thoát nước			Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum	
9	Rút ngắn thời gian Thanh tra xây dựng sau hoàn công			Sở Xây dựng	
10	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục và rút ngắn thời gian Đăng ký sở hữu tài sản sau hoàn công			Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng
<b>Đo lượng chất lượng</b>	Nâng cao hiệu quả Kiểm soát chất lượng xây dựng (thang điểm: 0-15), bao gồm: - Chất lượng các quy định về xây dựng - Kiểm định chất lượng trước thi công - Kiểm định chất lượng trong thi công - Kiểm định chất lượng sau khi hoàn thành thi công - Trách nhiệm pháp lý và bảo hiểm - Quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề			Sở Xây dựng	
<b>III</b>	<b>Đơn giản hóa thủ tục, rút</b>	<b>Dưới 35</b>	<b>30 ngày</b>	<b>Sở Công</b>	<b>Các Sở,</b>

	ngắn thời gian và cải thiện thứ hạng Tiếp cận điện năng	ngày		<b>Thương</b>	ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công ty Điện lực Kon Tum
1	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục Đăng ký cấp điện mới và đề nghị đấu nối			Công ty Điện lực Kon Tum	
2	Khảo sát cấp điện			Công ty Điện lực Kon Tum	
3	Đơn giản hóa, kết hợp thực hiện các thủ tục liên quan về Thỏa thuận tuyến, vị trí cột/ thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện (bao gồm Giấy phép đào đường, vỉa hè/ Xác nhận phù hợp quy hoạch lưới điện)			Sở Công Thương chịu trách nhiệm đối với thủ tục xác nhận phù hợp quy hoạch lưới điện. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đối với thủ tục Thỏa thuận tuyến, vị trí cột	

				thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện/ Giấy phép đào đường, vỉa hè	
4	Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian và chi phí Thiết kế và thi công công trình điện			Công ty Điện lực Kon Tum	
5	Rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ đo điện, ký kết hợp đồng mua bán điện và đóng điện			Công ty Điện lực Kon Tum	
<b>Đo lường chất lượng</b>	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch về giá điện (0-8 điểm)			Công ty Điện lực Kon Tum	
<b>IV</b>	<b>Đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian và chi phí thực hiện Đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản</b>	<b>Dưới 20 ngày</b>	<b>14 ngày</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	Các Sở, ngành: Sở Tư pháp, Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện/Thành phố
1	Chuẩn bị bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất			Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Công chứng viên kiểm tra nội			Sở Tư	

	dung thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng hoặc nội dung văn bản về bất động sản không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội			pháp	
<b>3</b>	Rút ngắn thời gian Ký hợp đồng chuyển nhượng với sự chứng kiến và xác nhận của Công chứng			Sở Tư pháp	
<b>4</b>	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trước bạ			Cục thuế tỉnh	UBND các huyện/Thành phố
<b>5</b>	Đơn giản hóa, điện tử hóa và rút ngắn thời gian Đăng ký quyền sử dụng đất			Sở Tài nguyên và Môi trường	
<b>6</b>	Nâng cao hiệu quả, chất lượng thủ tục hành chính về đất đai (0-30 điểm)			Sở Tài nguyên và Môi trường	
<b>V</b>	<b>Nâng cao tính minh bạch và khả năng Tiếp cận tín dụng</b>	<b>Thứ hạng 30</b>	<b>Dưới thứ hạng 30</b>	<b>Ngân hàng Nhà nước CN Kon Tum</b>	Các sở, ngành: Tư pháp, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Công ty Điện lực Kon Tum
<b>1</b>	Cải thiện Chỉ số quyền pháp lý (0-12 điểm): Bảo vệ quyền lợi của người vay và người cho vay; bảo vệ quyền của			Ngân hàng Nhà nước CN Kon Tum	Sở Tư pháp

	chủ nợ bảo đảm				
2	Mở rộng phạm vi và khả năng tiếp cận thông tin tín dụng do các trung tâm thông tin tín dụng công và công ty thông tin tín dụng tư cung cấp (0-8 điểm)				Các sở, ngành: Ngân hàng Nhà nước - CN Kon Tum, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Công ty Điện lực Kon Tum
3	Tăng mức độ bao phủ trung tâm thông tin tín dụng công (% người trưởng thành): số lượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp lưu trữ trong kho dữ liệu của trung tâm thông tin tín dụng tư so sánh với tỷ lệ dân số trưởng thành				
4	Tăng mức độ bao phủ công ty thông tin tín dụng tư (% người trưởng thành): số lượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp lưu trữ trong kho dữ liệu của công ty thông tin tín dụng tư so sánh với tỷ lệ dân số trưởng thành				
VI	<b>Đảm bảo hiệu quả thực thi các quy định về Bảo vệ nhà đầu tư</b>	Thứ hạng 80		<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	Các sở, ngành: Ban quản lý Khu kinh tế, Tổ Hỗ trợ đầu tư, UBND các huyện, thành phố
VII	<b>Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế và bảo hiểm xã hội</b>	Dưới 168 giờ	164 giờ	<b>Cục thuế tỉnh Bảo hiểm xã hội tỉnh</b>	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính



<b>1</b>	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian nộp Bảo hiểm xã hội	49 giờ	45 giờ	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính
<b>2</b>	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian nộp thuế	119 giờ	117 giờ	Cục thuế tỉnh	Sở Tài chính
<b>3</b>	Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các thủ tục sau nộp thuế (Hoàn thuế, thanh tra thuế, khiếu nại thuế) (0-100 điểm)			Cục Thuế tỉnh	Sở Tài chính
<b>VIII</b>	<b>Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, giảm thời gian, chi phí Giao dịch thương mại qua biên giới</b>	<b>160 giờ</b>	<b>150 giờ</b>	<b>Cục Hải quan tỉnh</b>	Các Sở, ngành liên quan
<b>1</b>	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục xuất khẩu	70 giờ	65 giờ		
<b>2</b>	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục nhập khẩu	90 giờ	85 giờ		
<b>IX</b>	<b>Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng</b>	<b>Dưới 300 ngày</b>	<b>Dưới 200 ngày</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	Tòa án nhân dân tỉnh